

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm xuống ngưỡng 1,675 trong phiên sáng. Tại đây, lực cầu bắt đáy xuất hiện và giúp chỉ số hồi phục. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,696.29 điểm, tăng gần 15 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng, Bảo hiểm,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để vượt đỉnh 1,700.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.99** điểm, đóng cửa tại **1696.29** điểm. HNX-Index **+1.29** điểm, đóng cửa tại **283.99** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.79)**, **HPG (+3.21)**, **VPB (+0.74)**, **FPT (+0.72)**, **LPB (+0.67)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.38)**, **MBB (-0.28)**, **VJC (-0.25)**, **SHB (-0.19)**, **GEX (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **37,688** tỷ đồng, tăng **5.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 40,002 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.34 điểm. Thị trường có **195** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **130** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-790.48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-397.94 tỷ)**, **VHM (-225.77 tỷ)**, **MSN (-159.60 tỷ)**, **MWG (-145.52 tỷ)**, **GEX (-126.56 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-40.26** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.24%**. Các mã diễn biến tích cực:
HSG (+6.89%) [\(Link báo cáo\)](#)
HPG (+6.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+3.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
NKG (+6.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCH (+6.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
TNG (+3.94%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.24%	1.19%	0.89%	1.29%
1 tuần	0.75%	1.96%	0.92%	1.20%
1 tháng	9.26%	8.06%	9.64%	11.43%
3 tháng	25.92%	26.97%	27.55%	32.74%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,696.29	283.99	111.85
% 1D	0.89%	0.46%	0.72%
GTKL (tỷ VND)	37,688	2,685	934
%1D	5.58%	-7.01%	13.79%
GDNN (tỷ VND)	-790.48	-40.26	-26.41

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	670.94	VPB	-397.94
MSB	350.80	VHM	-225.77
FPT	192.22	MSN	-159.60
NKG	108.26	MWG	-145.52
HSG	72.22	GEX	-126.56

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,448	0.51%	-0.27%
FTSE100	9,184	0.07%	-0.35%
Eurostoxx	5,326	0.01%	-1.34%
Shanghai	3,766	-1.25%	-2.02%
Nikkei	42,580	1.53%	-0.63%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

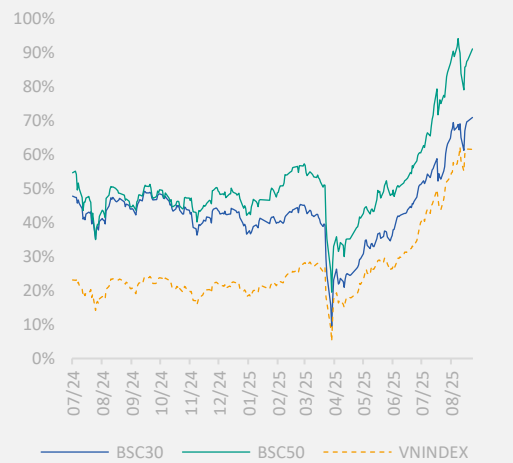
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.77	-0.64%
Giá vàng	3,542	2.62%

Tỷ giá		
USD/VND	26,510	0.01%
EUR/VND	31,549	0.01%
JPY/VND	182	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.00%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

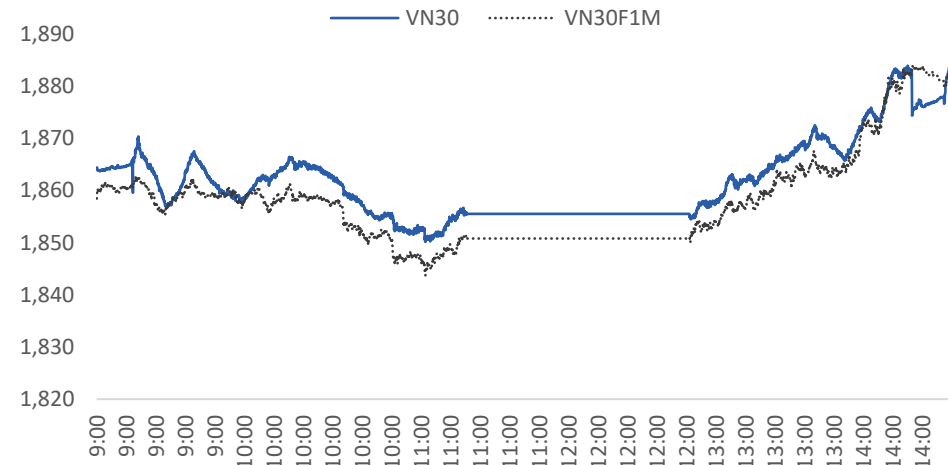
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1883.10	1.51%	268,289	3.5%	18/09/2025	14
VN30F2512	1854.20	0.80%	176	170.8%	18/12/2025	105
4111G3000	1848.50	0.85%	78	136.4%	19/03/2026	196
4111FA000	1875.50	1.22%	1168	28.07%	16/10/2025	42

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +24.00 điểm, đóng cửa tại 1883.59 điểm. Biên độ dao động 33.81 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, FPT, MSN, LPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 hồi phục trở lại nhờ lực bắt đáy tại ngưỡng 1,850. Tuy nhiên, chỉ số vẫn đang giao dịch quanh vùng đỉnh với thanh khoản thấp, khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2512	19/09/2025	15	1,052,300	-0.22%	24.89	1,470	41.3%	1.50	29.78	29.85	29.85
CHPG2504	27/10/2025	53	2,985,700	0.71%	24.15	3,550	34.0%	3.56	30.06	29.85	29.85
CHPG2513	20/10/2025	46	247,300	1.57%	25.72	1,380	32.7%	1.33	30.32	29.85	29.85
CHPG2505	26/03/2026	203	592,900	5.79%	24.98	3,960	28.6%	3.80	31.58	29.85	29.85
CHPG2406	28/10/2025	54	4,393,300	0.87%	23.32	2,040	28.3%	2.02	30.11	29.85	29.85
CHPG2514	19/11/2025	76	1,056,700	4.07%	26.37	1,410	28.2%	1.26	31.07	29.85	29.85
CHPG2502	26/09/2025	22	226,000	-0.27%	22.90	2,750	27.3%	2.81	29.77	29.85	29.85
CHPG2515	19/12/2025	106	478,500	6.40%	26.83	1,480	25.4%	1.25	31.76	29.85	29.85
CHPG2526	3/12/2025	90	1,003,100	9.58%	27.11	1,400	25.0%	0.95	32.71	29.85	29.85
CHPG2508	23/10/2025	49	167,400	0.98%	22.48	4,600	24.0%	4.52	30.14	29.85	29.85
CHPG2516	23/02/2026	172	211,400	10.00%	27.57	1,580	23.4%	1.30	32.83	29.85	29.85
CHPG2506	9/01/2026	127	231,500	3.55%	23.15	2,330	22.6%	2.19	30.91	29.85	29.85
CHPG2528	23/02/2026	172	2,830,700	10.75%	30.00	1,530	22.4%	1.51	33.06	29.85	29.85
CHPG2517	13/04/2026	221	1,016,100	6.28%	21.23	6,300	21.4%	5.68	31.73	29.85	29.85
CHPG2409	4/11/2025	61	974,700	0.37%	20.82	3,660	20.4%	3.68	29.96	29.85	29.85
CSTB2513	12/01/2026	130	71,100	9.57%	39.00	5,700	20.0%	4.56	61.80	56.40	56.40
CSSB2502	19/09/2025	15	361,300	4.36%	21.23	340	17.2%	0.18	22.59	21.65	21.65
CHPG2510	5/02/2026	154	211,800	4.25%	24.15	2,790	16.7%	2.65	31.12	29.85	29.85
CHPG2521	11/12/2025	98	144,700	1.54%	23.32	2,100	16.7%	2.09	30.31	29.85	29.85
CVHM2509	19/12/2025	106	3,800	-1.01%	56.67	8,920	16.4%	9.28	101.27	102.30	102.30

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 04/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2512 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 41.35%. CHPG2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.77%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CVRE2521 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2408, CVIC2502, CVIC2509, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	29.85	6.04%	10.84
MWG	77.50	2.24%	2.74
FPT	105.00	1.74%	2.34
MSN	84.80	2.17%	2.07
LPB	45.65	2.13%	1.93

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	140.00	-1.41%	-0.76
VHM	102.30	-0.39%	-0.43
MBB	28.25	-0.70%	-0.42
SHB	18.85	-1.05%	-0.39
BID	43.40	-0.23%	-0.02

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	68.90	2.84%	3.79	8.36
HPG	29.85	6.04%	3.21	7.68
VPB	34.90	1.16%	0.74	7.93
FPT	105.00	1.74%	0.72	1.70
LPB	45.65	2.13%	0.67	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	158.50	1.60%	0.35	0.20
SHS	29.10	1.75%	0.31	0.89
BAB	15.00	2.74%	0.27	0.96
NVB	16.00	1.27%	0.16	1.17
NTP	64.80	1.09%	0.08	0.17

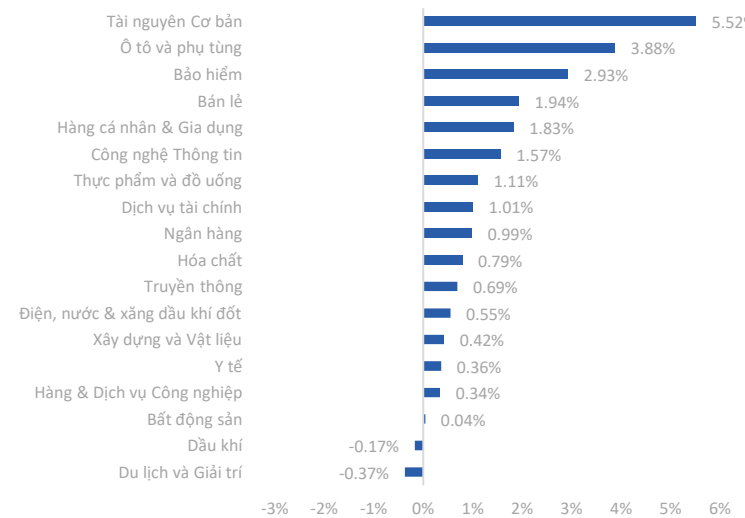
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHS	17.65	6.97%	0.12	13.09
TLH	6.30	6.96%	0.01	1.62
SVC	29.40	6.91%	0.03	0.03
HSG	20.95	6.89%	0.20	28.87
CLW	51.30	6.88%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	37.90	9.86%	0.16	0.00
BPC	12.80	9.40%	0.02	0.00
HKT	13.00	9.24%	0.03	0.00
GLT	19.00	9.20%	0.06	0.01
L40	38.00	9.20%	0.15	0.44

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	102.30	-0.39%	-0.38	4.11
MBB	28.25	-0.70%	-0.28	6.10
VJC	140.00	-1.41%	-0.25	0.54
SHB	18.85	-1.05%	-0.19	4.07
GEX	54.50	-1.62%	-0.18	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	75.00	-1.83%	-0.28	0.30
VIF	15.90	-5.36%	-0.20	0.35
HUT	18.20	-1.62%	-0.18	0.89
MBS	40.30	-0.74%	-0.12	0.57
CEO	25.90	-1.15%	-0.11	0.54

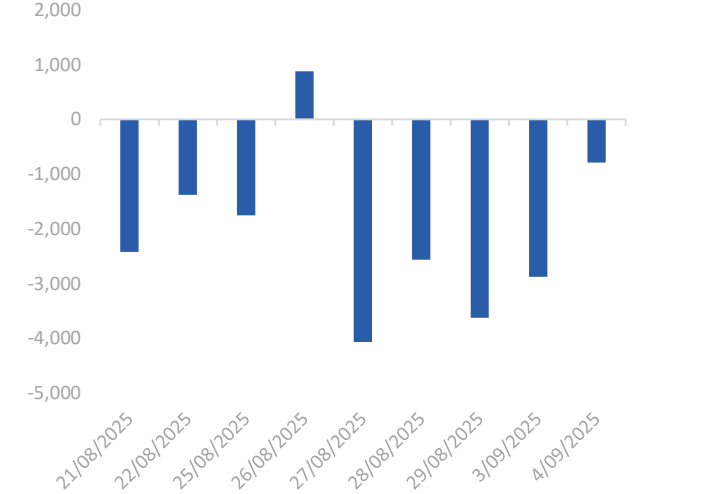
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	5.86	-6.98%	0.00	0.00
TNC	28.15	-6.01%	-0.01	0.00
LM8	13.50	-5.59%	0.00	0.01
NHT	10.20	-5.56%	0.00	0.00
CDC	29.40	-5.47%	-0.02	0.52

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNT	35.80	-9.60%	-0.23	0.00
VDL	10.40	-9.56%	-0.06	0.00
GIC	16.10	-6.40%	-0.05	0.00
PCE	20.60	-5.94%	-0.05	0.03
WSS	8.60	-5.49%	-0.09	0.15

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.5	2.2%	1.4	114,580	978.2	3,304	23.5	84,700	48.1%	Link
KBC	Bất động sản	40.3	1.8%	1.5	37,953	324.8	1,835	22.0	-	14.2%	Link
KDH	Bất động sản	36.8	-0.7%	1.4	41,241	194.0	717	51.3	39,900	32.2%	Link
PDR	Bất động sản	26.0	-1.0%	1.8	25,475	525.3	177	147.2	28,200	11.0%	Link
VHM	Bất động sản	102.3	-0.4%	0.8	420,188	688.4	6,984	14.7	92,000	10.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.0	1.7%	0.8	178,868	1646.5	5,092	20.6	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.4	-0.7%	0.0	84,799	295.7	(16)	(1,700)	23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	35.1	0.0%	1.5	16,777	185.5	2,644	13.3	42,800	11.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	29.7	3.0%	1.4	32,075	552.5	1,113	26.7		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.3	2.3%	1.4	87,811	1391.4	1,576	26.8		39.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	48.2	0.8%	1.3	34,829	519.3	1,369	35.2		28.4%	
DCM	Hóa chất	39.4	-0.6%	1.5	20,858	133.8	2,805	14.1	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	99.3	1.7%	1.3	37,712	231.0	8,175	12.2	109,300	13.4%	Link
ACB	Ngân hàng	27.7	0.6%	0.9	142,029	337.3	3,305	8.4	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	-0.2%	0.8	304,727	315.0	3,683	11.8	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.0	0.8%	1.1	273,870	465.3	5,608	9.1	53,500	26.5%	Link
HDB	Ngân hàng	33.2	0.2%	1.2	115,861	693.8	4,075	8.1	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	28.3	-0.7%	1.1	227,554	818.5	3,046	9.3	32,000	22.8%	Link
MSB	Ngân hàng	18.5	3.9%	1.1	48,100	1039.5	1,961	9.4	14,000	28.9%	Link
STB	Ngân hàng	56.4	0.2%	1.0	106,326	538.8	6,148	9.2		19.4%	
TCB	Ngân hàng	39.6	0.0%	1.1	280,615	702.2	3,018	13.1	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	21.5	2.1%	1.2	56,802	811.7	2,423	8.9	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	68.9	2.8%	0.8	575,706	614.5	4,148	16.6	75,700	21.8%	Link
VIB	Ngân hàng	23.0	1.3%	0.9	78,122	424.3	2,219	10.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	34.9	1.2%	1.2	276,894	1549.5	2,193	15.9	26,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.9	6.0%	1.3	229,113	4156.1	1,750	17.1	34,300	19.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	21.0	6.9%	1.6	13,010	587.8	751	27.9	23,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.0	-0.7%	1.3	10,776	221.8	4,124	6.8	31,700	4.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	84.8	2.2%	1.4	122,614	1106.5	1,862	45.6	92,700	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	0.5%	0.6	129,159	261.9	4,101	15.1	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.0	1.97%	1.6	9,643	113.4	2,216	19.9	23.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	129.8	1.33%	0.6	22,105	72.0	3,163	41.0	31.5%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	60.5	3.60%	1.1	44,911	34.0	3,294	18.4	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	25.4	2.01%	1.5	16,419	857.6	211	120.1	6.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.7	-1.46%	1.5	24,097	509.0	350	67.6	26.4%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.4	1.08%	1.4	6,670	228.7	482	77.7	6.2%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.7	-0.91%	1.5	12,079	159.9	540	60.5	18.5%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	45.0	0.00%	1.5	17,077	145.2	3,977	11.3	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	43.8	0.00%	1.5	16,847	143.5	1,709	25.6	46.9%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	60.8	1.84%	1.3	14,720	18.5	5,215	11.7	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.9	0.58%	1.3	6,273	66.8	1,978	17.6	2.4%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	24.2	6.62%	1.5	20,979	588.1	1,111	21.8	11.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	125.0	0.00%	1.0	481,627	248.6	3,487	35.9	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.3	0.50%	1.0	68,851	130.2	1,937	15.6	17.6%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.9	-0.12%	1.4	8,862	30.3	1,701	24.6	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.7	0.27%	1.0	46,567	53.0	1,661	22.1	16.3%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.5	2.05%	1.4	12,480	188.9	1,428	15.7	3.6%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.1	-0.12%	1.5	13,877	126.6	1,348	29.7	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	40.3	-0.74%	1.7	23,083	608.1	1,554	25.9	5.8%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.2	0.63%	1.0	154,912	46.2	5,002	12.8	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.8	1.21%	1.2	39,226	445.7	636	26.3	2.9%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	0.77%	0.9	35,424	50.3	4,417	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	140.0	-1.41%	0.7	82,826	282.3	3,427	40.9	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	-1.62%	1.6	49,181	533.9	1,736	31.4	7.0%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.5	1.63%	1.2	28,783	168.6	3,826	17.9	41.8%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.2	1.22%	1.2	9,828	107.8	5,700	10.2	5.9%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	1.10%	1.2	8,623	71.1	2,306	8.0	7.8%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	105.2	3.54%	0.0	12,812	70.2	3,317	31.7	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.4	2.43%	1.1	29,871	144.8	6,115	14.5	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.4	1.16%	1.0	3,406	48.8	2,693	11.3	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.1	3.94%	1.5	2,587	41.6	2,841	7.4	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	27.0	1.13%	1.4	18,324	114.1	957	28.2	7.2%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.5	0.68%	1.5	118,000	98.4	1,331	22.2	0.6%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	29.8	-1.32%	0.9	55,509	730.0	1,783	16.7	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	45.7	2.13%	0.4	136,369	131.7	3,324	13.7	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	16.3	2.52%	0.0	27,966	144.1	2,260	7.2	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	14.2	1.80%	0.9	37,682	167.8	1,130	12.5	19.6%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.1	6.78%	1.5	8,101	672.9	666	27.2	6.5%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.6	2.61%	1.7	7,335	68.2	1,871	14.7	3.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.7	-0.14%	0.6	10,534	68.2	1,981	17.5	2.9%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.1	1.62%	0.6	60,409	51.6	3,185	14.8	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.2	1.04%	1.2	13,063	90.3	6,372	9.1	19.7%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	152.0	0.00%	0.6	12,443	29.1	13,894	10.9	85.2%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.3	0.38%	1.4	7,942	27.7	4,512	17.4	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.8	3.03%	1.3	10,501	61.6	4,930	18.6	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	-0.11%	1.5	4,531	82.4	2,518	17.9	1.8%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.6	2.30%	1.5	7,760	244.4	1,077	14.5	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.7	0.00%	1.2	9,907	133.2	1,189	23.3	15.1%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	0.57%	1.2	17,067	251.6	1,241	21.3	8.6%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	62.5	1.13%	1.5	28,022	53.7	3,343	18.7	6.1%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>